

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/LĐ-ST

Ngày 04-9-2024

V/v Tranh chấp bảo hiểm xã hội
(bao gồm: quỹ hưu trí, tử tuất, ốm
đau, thai sản, tai nạn lao động-bệnh
nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp
và bảo hiểm y tế)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Văn Như

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thùy Trang

Nghề nghiệp: Phó Trưởng phòng – Phòng lao động Thương binh & Xã
hội thành phố Sóc Trăng

Ông Nguyễn Phước

Nghề nghiệp: Cán bộ Hưu trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Cẩm Vân-Thư ký Tòa án nhân dân
thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc
Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Đồ Ngọc Tuyền -Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc
Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số
17/2024/TLST-LĐ ngày 03/6/2024 về việc “Tranh chấp bảo hiểm xã hội (bao
gồm: quỹ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản, tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp,
bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế)” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số
409/2024/QĐXXST-LĐ ngày 30/7/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn Đ, sinh năm 1993; Địa chỉ: Số C đường H,
Khóm A, Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; (có mặt)

- Bị đơn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q1 (sau đây viết
tắt là Công ty Q1); Địa chỉ: Đường N, Khu công nghiệp A, xã A, huyện C, tỉnh

Sóc Trăng; Địa chỉ liên lạc: Số A, đường Q, Phường G, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Đỗ Ngọc Q, sinh năm 1965; Chức danh: Chủ tịch Công ty kiêm giám đốc; Địa chỉ: Số B đường P, phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bảo hiểm Xã hội tỉnh S; Địa chỉ: Số B đường N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

- *Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn H; Chức vụ: Trưởng phòng Thanh tra – Kiểm tra thuộc Bảo hiểm Xã hội tỉnh S. Địa chỉ: Số B đường N, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (Theo Giấy ủy quyền số 1871/GUQ-BHXH ngày 08/8/2024) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Trịnh Văn Đ trình bày:

Ông Trịnh Văn Đ là người lao động (nhân viên) của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q1 (gọi tắt là Công ty Q1) từ ngày 01/12/2021 cho đến ngày 13/4/2024, loại hợp đồng không xác định thời hạn, chức vụ nhân viên, bộ phận Nhân viên Ban điều hành. Đến ngày 13/4/2024 thì ông Đ thôi việc theo Quyết định số 05.QĐN.T4.24 ngày 13/4/2024 của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q1. Sau khi nhận được quyết định trên thì ông Đ có liên hệ công ty để yêu cầu giao sổ bảo hiểm xã hội, hợp đồng lao động và các loại văn bản giấy tờ khác, còn yêu cầu công ty chốt thời gian tham gia bảo hiểm cho ông Đ từ ngày 01/12/2021 đến 13/4/2024 nhưng công ty không thực hiện chốt bảo hiểm đền cho ông Đ. Sau đó, ông Đ có liên hệ với Bảo hiểm Xã hội tỉnh S thì biết được Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q1 khoảng thời gian ngày 01/12/2021 đến thời gian ông Đ thôi việc thì công ty chưa đóng.

Ông Trịnh Văn Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng giải quyết buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q1 chốt thời gian bảo hiểm xã hội và tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội cho ông Đ từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 13/4/2024, với số tiền 38.582.318 đồng.

Tại phiên tòa ông Đ xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ông Trịnh Văn Đ yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q1 chốt thời gian bảo hiểm xã hội và tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội cho ông từ tháng 01 năm 2022 đến tháng 03/2024, tương ứng số tiền chậm đóng theo cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh S xác định tại phiên tòa là: 31.968.000 đồng, bao gồm các loại quỹ bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản) là 24.975.000 đồng, tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp là 1.998.000 đồng, bảo hiểm thất nghiệp là 499.500 đồng và bảo hiểm y tế là 4.495.500 đồng.

Đối với số tiền lãi chậm đóng là trách nhiệm của bị đơn Công ty Q1 đối với Nhà nước ông Đ không yêu cầu.

Đối với bị đơn Công ty Q1 từ khi Tòa án thụ lý vụ án cấp tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, Tòa án không ghi nhận được ý kiến trình bày của bị đơn.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Bảo hiểm Xã hội tỉnh S) là ông Nguyễn Văn H trình bày:

Công ty có đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội cho ông Trịnh Văn Đ tại đơn vị Bảo hiểm Xã T với mã số 9421379222. Tính đến thời điểm hiện tại (15/7/2024), thì Công ty C đóng tiền bảo hiểm xã hội cho ông Đ từ tháng 01/2022 đến tháng 3/2024 với tổng số tiền là 31.968.000 đồng, bao gồm các loại quỹ bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản) là 24.975.000 đồng, tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp là 1.998.000 đồng, bảo hiểm thất nghiệp là 499.500 đồng và bảo hiểm y tế là 4.495.500 đồng

Đối với tiền lãi chậm đóng bảo hiểm: Bảo hiểm Xã hội 5.983.510 đồng, bảo hiểm y tế 1.459.778 đồng; bảo hiểm thất nghiệp: 478.691 đồng, bảo hiểm tai nạn bệnh nghề nghiệp: 162.197 đồng là phần Công ty Q1 phải chịu với Nhà nước, đến hiện tại chưa thực hiện việc xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, giải quyết các chế độ bảo hiểm cho ông Đ. Nay đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đ.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi Hội đồng xét xử vào nghị án thì Thẩm phán xác định về thẩm quyền, quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định của pháp luật và thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát cũng đảm bảo. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng chấp hành đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ông Trịnh Văn Đ cư trú địa bàn Phường E, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về tranh chấp các quỹ bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với Công ty Q1 có trụ sở chính tại Đường N, Khu công nghiệp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ pháp luật tranh chấp là tranh chấp “Bảo hiểm Xã hội (bao gồm: quỹ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản, tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế)” và Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng đã thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 32, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Tại phiên tòa, bị đơn là Công ty Q1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do chính đáng mà không có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa. Căn cứ vào Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] Tại phiên tòa, ông Trịnh Văn Đ xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Ông Trịnh Văn Đ yêu cầu Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q1 chốt thời gian bảo hiểm xã hội và tiếp tục đóng bảo hiểm xã hội cho

ông từ ngày 01/12/2021 đến hết ngày 13/04/2024, với số tiền 38.582.318 đồng thành từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày tháng 03/2024, với số tiền 31.968.000 đồng. Xét thấy việc thay đổi yêu cầu khởi kiện này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Đối với bị đơn Công ty Q1 sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành cấp, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự nêu trên Công ty Q1 không cử người đại diện hợp pháp tham gia phiên họp và phiên hòa giải, không có ý kiến gì về kết quả phiên họp công khai chứng cứ nên điều này cho thấy đã tự từ chối quyền được trình bày để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do đó, căn cứ vào Khoản 2, Khoản 4 Điều 91; Điều 93; Điều 95 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử xác định những tình tiết, sự kiện và tài liệu do nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã cung cấp và Tòa án thu thập có giá trị dùng làm chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện và tiến hành giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

[5]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, Hội đồng xét xử xác định:

[6]. Ông Trịnh Văn Đ với Công ty Q1 có phát sinh quan hệ lao động, theo đó ông Đ là nhân viên Ban điều hành của Công ty Q1. Do đó, quan hệ lao động giữa ông Đ và Công ty Q1 là hợp pháp theo quy định tại Điều 7 của Bộ luật Lao động, nên ông Đ và Công ty Q1 phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc theo quy định tại Khoản 2 Điều 3 của Luật Bảo hiểm Xã hội với mục đích nhằm đảm bảo cho người lao động là ông Đ được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội khi làm việc cũng như khi nghỉ việc tại công ty theo quy định tại Điều 4 của Luật Bảo hiểm Xã hội, gồm các loại quỹ bảo hiểm: bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản), tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế theo quy định tại Điều 168 của Bộ luật Lao Động; Điều 19, Điều 21, Điều 85 và Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội; Điều 12, Điều 13 và Điều 15 của Luật Bảo hiểm Y tế; Khoản 4 Điều 3, Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 57 và Điều 58 của Luật Việc làm; Điều 41, Điều 43 và Điều 44 của Luật An toàn, Vệ sinh Lao động.

[7]. Theo các tài liệu, chứng cứ do Bảo hiểm Xã hội tỉnh S cung cấp thể hiện: Ông Trịnh Văn Đ có đăng ký sổ bảo hiểm xã hội với mã số 9421379222, quá trình đóng bảo hiểm thì hàng tháng Công ty Q1 đều nộp tiền bảo hiểm xã hội cho ông Đ vào đơn vị Bảo hiểm Xã hội tỉnh S. Tuy nhiên, Công ty Q1 đã chậm đóng bảo hiểm xã hội cho ông Trịnh Văn Đ từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2024 với tổng số tiền là 31.968.000 đồng, bao gồm các loại quỹ bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản) là 24.975.000 đồng, tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp là 1.998.000 đồng, bảo hiểm thất nghiệp là 499.500 đồng và bảo hiểm y tế là 4.495.500 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm Xã hội tỉnh S cũng khẳng định đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm thì phía Công ty Q1 vẫn chưa hoàn thành việc đóng bảo hiểm còn nợ nêu trên cho ông Trịnh Văn Đ.

[8]. Mặt khác, thực tế Công ty Q1 hàng tháng đều đã trích tiền lương của ông Trịnh Văn Đ để nộp bảo hiểm xã hội nhưng lại không nộp bảo hiểm lại cho cơ quan bảo hiểm xã hội mà cụ thể là Bảo hiểm Xã hội tỉnh S cho ông Đ từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2024 là vi phạm pháp luật về bảo hiểm, làm ảnh hưởng đến quyền lợi chính đáng của ông Trịnh Văn Đ. Căn cứ theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 của Luật Bảo hiểm Xã hội quy định về trách nhiệm của người sử dụng lao động: “*Phối hợp với cơ quan bảo hiểm xã hội trả số bảo hiểm xã hội cho người lao động, xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc hoặc thôi việc theo quy định của pháp luật.*” Căn cứ vào Khoản 3 Điều 48 của Bộ luật Lao động thì người sử dụng lao động có trách nhiệm: “*Hoàn thành thủ tục xác nhận thời gian đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp và trả lại cùng với bản chính giấy tờ khác nếu người sử dụng lao động đã giữ của người lao động*”. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 18 của Nghị định 115/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo hiểm Xã hội quy định: “*Người sử dụng lao động có trách nhiệm đóng đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bao gồm cả tiền lãi chậm đóng theo quy định đối với người lao động đủ điều kiện hưởng bảo hiểm xã hội hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc để kịp thời giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động.*” Như vậy, ngoài việc Công ty Q1 phải có nghĩa vụ hoàn thành việc nộp bảo hiểm xã hội vào đơn vị Bảo hiểm Xã hội tỉnh S cho ông Trịnh Văn Đ, Công ty còn phải chịu tiền lãi chậm đóng tiền bảo hiểm cho cơ quan bảo hiểm xã hội theo quy định.

[9]. Từ những phân tích trên, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có căn cứ và đúng với các quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[10]. Về án phí lao động sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên buộc bị đơn Công ty Q1 phải chịu án phí có giá ngạch 3% tương ứng phần nghĩa vụ thực hiện theo khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[11]. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án, kiến nghị xem xét hành vi chậm đóng bảo hiểm xã hội của Công ty Q1 là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[12]. Hội đồng xét xử kiến nghị Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh S xem xét hành vi chậm đóng bảo hiểm xã hội của Công ty Q1 để xử phạt theo quy định pháp luật. Trường hợp hành vi chậm đóng bảo hiểm xã hội của Công ty Q1 vượt thẩm quyền thì trong chức trách của mình đề nghị Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh S tiếp tục kiến nghị cơ quan, người thẩm quyền xem xét hành vi chậm đóng bảo hiểm xã hội của Công ty Q1 theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 6; Khoản 1 Điều 32, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39; Điều 40; Điều 91; Điều 93; Điều 95; Khoản 1 Điều 147; Điều 227, Điều

228; Điều 244; Điều 271; Điều 273; Điều 278; Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào Điều 4, Điều 6, Điều 7; Khoản 3 Điều 48; Điều 168 của Bộ luật Lao động.

Căn cứ vào Điều 3, Điều 4, Điều 19, Khoản 5 Điều 21, Điều 85, Điều 86 của Luật Bảo hiểm Xã hội.

Căn cứ vào Điều 12, Điều 13 và Điều 15 của Luật Bảo hiểm Y tế.

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 3, Điều 43, Điều 44, Điều 45, Điều 57, Điều 58 của Luật Việc làm.

Căn cứ vào Điều 41, Điều 43, Điều 44 của Luật An toàn, Vệ sinh Lao động.

Căn cứ vào Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trịnh Văn Đ đòi với bị đơn là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q1 về tranh chấp bảo hiểm xã hội.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q1 phải đóng tiền bảo hiểm xã hội (bao gồm: quỹ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản, tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp, bảo hiểm thất nghiệp và bảo hiểm y tế) vào quỹ bảo hiểm xã hội của đơn vị thu là Bảo hiểm Xã hội tỉnh S cho ông Trịnh Văn Đ có sổ Bảo hiểm xã hội mã số 9421379222 từ tháng 01/2022 đến tháng 03/2024, với số tiền là 31.968.000 đồng, bao gồm các loại quỹ bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội (quỹ hưu trí, tử tuất, ốm đau, thai sản) là 24.975.000 đồng, tai nạn lao động-bệnh nghề nghiệp là 1.998.000 đồng, bảo hiểm thất nghiệp là 499.500 đồng và bảo hiểm y tế là 4.495.500 đồng

Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q1 còn phải chịu lãi suất do chậm đóng bảo hiểm xã hội cho cơ quan bảo hiểm xã hội với mức lãi suất theo quy định pháp luật về bảo hiểm xã hội tương ứng với thời gian chậm đóng. Số tiền lãi cụ thể phải đóng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q1 do Bảo hiểm Xã hội tỉnh S thu tại thời điểm Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q1 nộp tiền bảo hiểm xã hội để làm thủ tục xác nhận (chốt sổ) thời gian đóng bảo hiểm xã hội cho ông Trịnh Văn Đ.

2. Về án phí lao động sơ thẩm: Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Q1 phải chịu án phí là 959.040 đồng (Chín trăm năm mươi chín nghìn, không trăm bốn mươi đồng).

Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được cấp, tổng đạt hợp lệ theo quy định pháp luật. Để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

3. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014), thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014); Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (được sửa đổi bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TPST;
- Chi cục THADS TPST;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Võ Văn Như